|  |  |
| --- | --- |
| **HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: /2023/NQ-HĐND | *Trà Vinh, ngày tháng năm 2023* |

**(Dự thảo)**

**NGHỊ QUYẾT**

**Sửa đổi khoản 3 Điều 1 Nghị quyết số 21/2021/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định các loại phí thuộc lĩnh vực môi trường trên địa bàn tỉnh Trà Vinh**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH  
KHÓA X - KỲ HỌP THỨ .........**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Luật Phí, lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;*

*Căn cứ Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật phí và lệ phí;*

*Căn cứ Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;*

*Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày ..... tháng ... năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh về việc trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết quy định các loại phí thuộc lĩnh vực môi trường trên địa bàn tỉnh Trà Vinh; Báo cáo thẩm tra của Ban.................. và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Sửa đổi khoản 3 Điều 1 Nghị quyết số 21/2021/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh, cụ thể:

“3. Phí thẩm định cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép môi trường

a) Đối tượng nộp phí

Tổ chức, cá nhân đề nghị cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép môi trường đối với các dự án đầu tư thuộc đối tượng phải thực hiện giấy phép môi trường của UBND tỉnh và UBND cấp huyện theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

b) Mức thu:

*- Đối với giấy phép môi trường do UBND tỉnh cấp:*

*ĐVT: Triệu đồng/hồ sơ*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Loại giấy** **phép môi trường** | **Mức thu** | |
| Dự án đầu tư đã có quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường/Cơ sở thuộc đối tượng phải có giấy phép môi trường | Dự án đầu tư không thuộc đối tượng phải thực hiện đánh giá tác động môi trường *(Thành lập Hội đồng thẩm định)* |
| Cấp giấy phép môi trường | *5,7* | *4,8* |
| Cấp lại giấy phép môi trường | *5,7* | |
| Cấp điều chỉnh giấy phép môi trường | *5,7* | |

*- Đối với giấy phép môi trường do UBND cấp huyện cấp:*

*ĐVT: Triệu đồng/hồ sơ*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Loại giấy** **phép môi trường** | **Mức thu** | |
| Dự án đầu tư đã có quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường /Cơ sở thuộc đối tượng phải có giấy phép môi trường | Dự án đầu tư không thuộc đối tượng phải thực hiện đánh giá tác động môi trường *(Thành lập Hội đồng thẩm định)* |
| Cấp giấy phép môi trường | *2,5* | *2,9* |
| Cấp lại giấy phép môi trường | *2,5* | |
| Cấp điều chỉnh giấy phép môi trường | *2,5* | |

Mức thu phí nêu trên không bao gồm chi phí lấy và phân tích mẫu môi trường. Chi phí lấy mẫu phát sinh trong quá trình thẩm định Giấy phép sẽ do chủ đầu tư tự chi trả trên cơ sở loại mẫu môi trường (nước thải, khí thải,...) do Đoàn kiểm tra/Hội đồng thẩm định tiến hành thu và phân tích mẫu.

c) Thu, nộp, quản lý và sử dụng tiền phí

Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện thu phí cấp giấy phép môi trường đối với trường hợp do UBND tỉnh cấp, Phòng Tài nguyên và Môi trường thực hiện thu phí cấp giấy phép môi trường đối với trường hợp do UBND cấp huyện cấp và nộp 100% số tiền phí vào ngân sách Nhà nước theo quy định của pháp luật hiện hành. Việc kê khai, nộp phí theo tháng và quyết toán năm theo quy định tại Luật Quản lý thuế và Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý thuế.”

**Điều 2.** Bãi bỏ khoản 3 Điều 1 Nghị quyết số 21/2021/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định các loại phí thuộc lĩnh vực môi trường trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.

**Điều 3. Tổ chức thực hiện**

Giao Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai, tổ chức thực hiện; Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

**Điều 4. Điều khoản thi hành**

1. Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày tháng năm …….

2. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Trà Vinh khóa X - kỳ họp thứ ……. thông qua ngày ...... tháng ……… năm ………./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** - UBTVQH, Chính phủ; - Các Bộ: Tư pháp, Tài chính, TN và MT; - TT.TU, UBND, UBMTTQ tỉnh; - Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh; - Đại biểu HĐND tỉnh; - Các Sở: TN và MT, TC, TP,  Cục thuế, Cục thống kê; - TT. HĐND, UBND cấp huyện; - Văn phòng: Đoàn ĐBQH và HĐND, UBND tỉnh; - Báo, Đài PT-TH tỉnh; - Trung tâm Tin học - Công báo tỉnh; - Website Chính phủ; - Lưu: VT, HĐND. | **CHỦ TỊCH** |